

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 99/2024/HS-ST

Ngày: 25 - 4 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Kim Xuyên;

Bà Trần Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 92/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Công T; Giới tính: Nam; Sinh năm 1976, tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi đăng ký thường trú: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nơi tạm trú: Ấp Bà T1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 4/12; Nghề nghiệp: Nuôi tôm; Con ông Nguyễn Công Í (đã chết), con bà Thiệu Thị V (đã chết); Bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị L và có 02 con (con lớn sinh năm 1993 và con nhỏ sinh năm 2002); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

2. Nguyễn Văn D; Giới tính: Nam; Sinh năm 1984, tại tỉnh Nam Định; Nơi đăng ký thường trú: Khu phố E, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định; Nơi tạm trú: Ấp Bà T1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Nuôi tôm; Con ông Nguyễn Văn O, con bà Trần Thị T2; Bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị C và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2019); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

- **Bị hại:** Chị Nguyễn Thị Thanh D1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- **Người làm chứng:**

1. Anh **Nguyễn Minh T3**, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

2. Anh **Trần Minh T4**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

3. Anh **Nguyễn Ngọc N**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 06/5/2023, chị Nguyễn Thị Thanh D1 cùng chồng Nguyễn Ngọc N đi đến hồ nuôi tôm, của của anh Nguyễn Văn T5 tại ấp Bà T1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai để chơi. Sau đó, D1 mượn anh T5 máy và đi rà cá. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Nguyễn Công T là chủ hồ nuôi tôm, của bên cạnh thấy có ánh đèn đang di chuyển, Tân nghĩ có người đến trộm cắp tôm, của trong hồ của mình nên đã gọi cho anh Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh T3 và Trần Minh T4 là những chủ hồ bên cạnh ra hỗ trợ bắt người trộm tôm, của. T, D, Nguyễn Minh T3, Trần Minh T4 mỗi người cầm 01 đoạn cây đước khô đi ra. T, D đứng canh ở đoạn phía dưới hồ còn Nguyễn Minh T3, Trần Minh T4 thì đứng canh phía trên hồ. Lúc này, T và D phát hiện chị D1 đang rà cá, cho rằng chị D1 rà trộm tôm, của của mình nên T và D dùng cây đước và tay, chân đánh chị D1. Khi bị đánh, chị D1 kêu lên thì Trần Minh T4, Nguyễn Minh T3 và anh N nghe thấy nên chạy lại can ngăn, sau đó D1 được anh N đưa đến bệnh viện điều trị vết thương, còn T lấy túi lưới của D1 bên trong có tôm, của đổ xuống hồ rồi cùng D,

Nguyễn Minh T3, Trần Minh T4 đi về hồ của mình.

* Vật chứng và tài sản thu giữ gồm: 02 khúc cây đước dài khoảng 01m.

* Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 0591/KLTTCT-TTPYĐN ngày 29/6/2023 của Trung tâm pháp Y tỉnh Đ đối với Nguyễn Thị Thanh D1 như sau:

- Các kết quả chính:

+ Gãy đầu dưới xương trụ trái đã kết hợp xương và có can xương, trục thẳng;

+ Sẹo mổ 1/3 dưới mắt trong cẳng tay trái;

+ Không định tỷ lệ cho chấn thương mắt, ngực và chân hai bên hiện tại không để lại dấu vết, không để lại di chứng và không ảnh hưởng chức năng.

- Kết luận: Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Thị Thanh D1 tại thời điểm giám định là 12% (mười hai phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

+ Kết luận khác, vật gây thương tích: vật tày.

* Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Văn D đã tự nguyện bồi thường chi phí khám chữa bệnh cho Nguyễn Thị Thanh D1 số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng và chị D1 đã có đơn bãi nại, cam kết không có thắc mắc gì.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 106/CT-VKSNT, ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch truy tố các bị cáo Nguyễn Công T và Nguyễn Văn D về tội “Cố ý gây thương tích”, quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về hình phạt: Xử phạt các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Văn D mỗi bị cáo từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm; Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm; Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ đối với 02 khúc cây đước dài khoảng 01m. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Văn D đã tự nguyện bồi thường chi

phí khám chữa bệnh cho bị hại số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng và bị hại đã có đơn bãi nại, cam kết không có thắc mắc gì nên đề nghị không xét đến.

Đối với anh Nguyễn Minh T3 không tham gia đánh D1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không đưa ra xử lý là đúng quy định của pháp luật. Đối với anh Trần Minh T4 thì chị D1 khai có tham gia đánh chị D1 và lấy cái túi lưới bên trong có 600.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 của chị D1. Tuy nhiên, chỉ có lời khai của chị D1 trong khi đó anh Trần Minh T4 không thừa nhận và không có tài liệu chứng cứ khác về việc này nên không đủ căn cứ xử lý đối với anh Trần Minh T4 là có căn cứ.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố; hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị hại, người làm chứng: Bị hại, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên lời khai của những người này đã có trong quá trình điều tra, không ảnh hưởng đến việc xét xử nên căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, người làm chứng.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó có cơ sở để xác định: Vào lúc 23 giờ ngày 06/5/2023, tại ấp Bà T1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Công T và Nguyễn Văn D dùng cây đước và tay, chân đánh Nguyễn Thị Thanh D1 gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12%. Do đó, các bị cáo: Nguyễn Công T và Nguyễn Văn D đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích”, tội danh và hình phạt được quy định tại theo điểm đ khoản 2 Điều

134 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, mặt khác gây ảnh hưởng xấu về an ninh và trật tự trong xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức rõ hành vi và hậu quả do hành vi của mình gây ra nhưng do xem thường pháp luật nên các bị cáo đã cố ý phạm tội. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình gây ra, cần có biện pháp xử phạt thích hợp nhằm cải tạo và giáo dục các bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật.

Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Bị cáo T là người chủ động gọi bị cáo D đến và cả hai người cùng đánh chị D1 nên hình phạt áp dụng cho bị cáo T phải cao hơn hình phạt áp dụng đối với bị cáo D.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy: Trước thời điểm xảy ra vụ án, tại hồ nuôi tôm cua của T đã nhiều lần T bị mất trộm tôm, cua. Vào lúc 23 giờ ngày 06/5/2023, T phát hiện chị D1 đang rà cá, cho rằng chị D1 rà trộm tôm, cua của mình nên T cùng D đã đánh chị D1 gây thương tích cho chị D1. Vì vậy, hành vi của các bị cáo là nhất thời, bùng bột trong lúc nóng giận.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Các bị cáo đều xuất thân từ thành phần nhân dân lao động và là lao động chính trong gia đình; Các bị cáo phạm tội lần đầu; Các bị cáo đã tích cực bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại và được bị hại đã làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo T có cha, mẹ là người có công với cách mạng. Nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Các bị cáo không có tiền án, tiền sự, là người có nhân thân tốt; Có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; thật sự ăn năn hối cải và có khả năng tự cải tạo mình, trong thời gian bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” các bị cáo không vi phạm pháp luật. Vì vậy, không nhất thiết phải cách ly các bị cáo với xã hội mà cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như đề nghị của Viện kiểm sát cho các bị cáo này được hưởng án

treo sẽ không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội là hoàn toàn phù hợp, đồng thời cũng đủ khả năng giáo dục phòng ngừa và thể hiện sự nhân đạo, chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước mà tích cực cải tạo trở thành người lương thiện có ích cho xã hội và gia đình.

[5] Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu tiêu huỷ đối với 02 khúc cây đước dài khoảng 01m là công cụ dùng vào việc phạm tội .

[6] Đối với anh Nguyễn Minh T3 không tham gia đánh D1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không đưa ra xử lý là đúng quy định của pháp luật. Đối với anh Trần Minh T4 thì chị D1 khai: Anh Trần Minh T4 có tham gia đánh chị D1 và lấy cái túi lưới bên trong có 600.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 của chị D1. Tuy nhiên, chỉ có lời khai của chị D1 trong khi đó anh Trần Minh T4 không thừa nhận và không có tài liệu chứng cứ khác về việc này nên không có đủ căn cứ xử lý đối với anh Trần Minh T4 là có căn cứ.

[7] Về điều luật, tội danh, mức án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng là phù hợp và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét ý kiến tranh luận và lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo thống nhất với tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng và không có ý kiến tranh luận gì về tội danh cũng như về hình phạt, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều biết hành vi của mình là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến tranh luận và lời nói sau cùng của các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cần buộc các bị cáo mỗi người phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 326, Điều 327 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134); Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Công T, Nguyễn Văn D phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Công T** 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm 04 (bốn) tháng, thời hạn được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25-4-2024).

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D** 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, thời hạn được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25-4-2024).

Giao các bị cáo: Nguyễn Công T, Nguyễn Văn D cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình của người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án. Trường hợp người bị kết án có sự thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- **Về biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ đối với 02 khúc cây được dài khoảng 01m.

(Vật chứng nêu trên đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch theo quyết định chuyển vật chứng số 73/VKS-NT ngày 04/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch và Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08 tháng 4 năm 2024.)

- **Về án phí:** Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Văn D mỗi người phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- **Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định

của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND huyện Nhơn Trạch;
- TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THA dân sự huyện Nhơn Trạch;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Nhơn Trạch;
- Cơ quan THA HS có thẩm quyền;
- Sở tư pháp;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Đại